

**REVIEW: ENGLISH 8**

**UNIT 2: LIFE IN THE COUNTRYSIDE**

**PART 1: VOCABULARY and GRAMMAR REVIEW**

**A. VOCABULARY**

beehive	(n)	/ˈ biː haɪ v/	tổ ong
brave	(adj)	/breɪ v/	can đảm
buffalo-drawn cart	(n)	/ˈ bʌ fələʊ -drɔː n kɑː t/	xe trâu kéo
cattle	(n)	/ˈ kætəl/	gia súc
collect	(v)	/kəˈ lekt/	thu gom, lấy, sưu tầm
convenient	(adj)	/kənˈ viː niənt/	thuận tiện, tiện nghi
disturb	(v)	/dɪˈ stɜː b/	làm phiền
electrical appliance	(n)	/ɪˈ lektrɪ kl əˈ plai əns/	đồ điện
generous	(adj)	/ˈ dʒ enərəs/	hào phóng, rộng rãi
ger	(n)	/ger/	lều của dân du lịch Mông Cổ
Gobi Highlands		/ˈ gəʊ biˈ haɪ lənd/	Cao nguyên Gobi
grassland	(n)	/ˈ g rɑː slænd/	đồng cỏ
harvest time	(n)	/ˈ hɑː vi st taɪ m/	mùa gặt
herd	(v, n)	/hɜː b/	chăn dắt/ bày, đàn
local	(adj, n)	/ˈ ləʊ kl/	địa phương, dân địa phương
Mongolia	(n)	/mɒŋ ɪˈ g əʊ liə/	Mông Cổ
nomad	(n)	/ˈ nəʊ mæd/	dân du mục
nomadic	(adj)	/ˈ nəʊ mædɪ k/	thuộc về du mục
paddy field	(n)	/ˈ pædi fiː ld/	đồng lúa
pasture	(n)	/ˈ pɑː stf ə(r)/	đồng cỏ
pick	(v)	/pɪ k/	hái (hoa, quả...)

vast	(adj)	/vɑ : st/	rộng lớn, bát ngát
expect	(v)	/ɪ k' spekt/	mong đợi
harvest	(n, v)	/' hɑ : vɪ st/	vụ thu hoạch, gặt hái, thu hoạch
chore	(n)	/tʃ ɔ : /	thăm hiểm, thăm dò
envious	(adj)	/' enviəs/	ghen tị, thèm muốn
explore	(v)	/ɪ k' splɔ : /	thăm hiểm, thăm dò

## B. GRAMMAR REVIEW

### COMPARATIVE ADJECTIVES AND ADVERBS (So sánh hơn của tính từ và trạng từ)

Ta sử dụng So sánh hơn để so sánh giữa người (hoặc vật) này với người (hoặc vật) khác.

#### 1. Comparative adjectives (So sánh hơn của tính từ)

Cấu trúc:

- Short Adj: S + be + **adj + er + than** + Noun/ Pronoun
- Long Adj: S + be + **more + adj + than** + Noun/ Pronoun

Ex: China is bigger than India. (Trung Hoa to lớn hơn Ấn Độ.)

Gold is more valuable than silver. (Vàng có giá trị hơn bạc.)

#### 2. Comparative adverbs (So sánh hơn với trạng từ):

Cấu trúc:

- Short Adv: S + V + **adv + er + than** + Noun/ Pronoun
- Long Adv: S + V + **more / less + adv + than** + Noun/ Pronoun

Ex: - They work harder than I do. = They work harder than me. (Họ làm việc chăm chỉ hơn tôi.)

- My friend did the test more carefully than I did. = My friend did the test more carefully than me. (Bạn tôi làm bài kiểm tra cẩn thận hơn tôi.)

**\*Một số tính từ/ trạng từ bất qui tắc:** good/well – better, bad/badly – worse, little – less, many/ much – more, far - farther/ further, late – later, old – older/ elder

Ex: I believe you will be better next time.

### PART 2: EXERCISE

**I. Write the comparison of these adjectives and adverbs.**

Tính từ/ Trạng từ	So sánh hơn
1. beautifully	.....
2. hot	.....
3. crazy	.....
4. slowly	.....
5. much	.....
6. little	.....
7. badly	.....
8. well	.....
9. attractively	.....
10. big	.....

**II. Complete the sentences. Choose the best answer A, B, C or D.**

- It is ..... in the city than it is in the country.  
A. noisily      B. more noisier      C. noisier      D. noisy
- The English test was ..... than I thought it would be.  
A. the easier      B. more easy      C. easiest      D. easier
- English is thought to be ..... than Math.  
A. harder      B. the more hard      C. hardest      D. the hardest
- My house is ..... hers.  
A. cheap than      B. cheaper      C. more cheap than      D. cheaper than
- Her office is ..... away than mine.  
A. father      B. more far      C. farther      D. farer
- Tom is ..... than David.

A. handsome

B. the more handsome

C. more handsome

D. the most handsome

7. He did the test ..... I did.

A. as bad as

B. badder than

C. more badly than

D. worse than

8. A boat is ..... than a plane.

A. slower

B. slowest

C. more slow

D. more slower

9. My new sofa is ..... than the old one.

A. more comfortable

B. comfortably

C. more comfortabler

D. comfortable

10. My sister dances ..... than me.

A. gooder

B. weller

C. better

D. more good

11. This road is ..... than that road.

A. narrower

B. narrow

C. the most narrow

D. more narrower

12. He drives ..... his brother.

A. more careful than

B. more carefully

C. more carefully than

D. as careful as

13. It was ..... day of the year.

A. the colder

B. the coldest

C. coldest

D. colder

14. She is ..... student in my class.

A. most hard-working

B. more hard-working

C. the most hard-working

D. as hard-working

15. Jupiter is ..... planet in the solar system.

A. the biggest

B. the bigger

C. bigger

D. biggest

III. Read the information about France and Spain. Complete the sentences about the countries, using a comparative form of the words in bracket.

FRANCE		SPAIN	
Size:	550,000 sq km	Size:	500,000 sq km
Population:	64 million	Population:	40 million
Summer temperature:	18 degree C	Summer temperature:	24 degree C
Winter temperature:	5 degree C	Winter temperature:	11 degree C
Rainfall:	650mm	Rainfall:	300mm

1. France ..... Spain. (big)
2. Spain ..... France. (smaller)
3. Spain's population ..... France's population. (large)
4. France's population ..... not ..... Spain's population. (small)
5. Spain ..... France in summer. (hot)
6. Spain ..... not ..... France in winter. (cold)
7. Spain ..... not ..... France. (rainy)
8. France ..... Spain. (rainy)

**IV. Rewrite the sentences, using the given words.**

1. Yesterday the temperature was nine degrees. Today it's only six degrees.  
=> It's .....
2. The journey takes four hours by car and five hours by train.  
=> It takes .....
3. We were very busy at work today. We are not as busy as that every day.  
=> We .....
4. Jane cooks better than her sister.  
=> Jane's sister .....
5. Tom is the best football player in this team.  
=> Nobody in this team .....

